TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 100/2018/QĐST-DS	*C, ngày 03 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 13, 14, 15 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 154/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Theo biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2018 thì ông Trần Thanh H, bà Trần Thị O nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 4.396.000 đ (Bốn triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Nhưng do ông H có làm đơn xin giảm tiền án phí do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp sự kiện bất khả kháng, đang rất khó khăn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C xác nhận là sự thật vào ngày 25 tháng 6 năm 2018. Vì vậy, Tòa án giảm 50% trên phần số tiền án phí mà ông H, bà O có nghĩa vụ nộp bằng 1.099.000 đ (Một triệu không trăm chín mươi chín nghìn đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Anh T, sinh năm: 1979.

Cư trú tại: số e, đường Ng, khóm f, phường m, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông Trần Thanh H, sinh năm: 1968 và bà Trần Thị O, sinh năm: 1973.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị O là: Ông Trần Thanh H, sinh năm: 1968 (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/6/2018).

Cùng cư trú tại: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về số tiền phải trả***: Bà Huỳnh Thị Anh T và ông Trần Thanh H, đồng thời ông H là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị O thống nhất tự nguyện thỏa thuận: Ông H, bà O tự nguyện trả cho bà T số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ, gồm: Tiền nợ gốc 170.202.000 đ (Một trăm bảy mươi triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng), tiền lãi 5.650.000 đ (Năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng là ***175.852.000 đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng)***. Bà T thống nhất nhận số tiền 175.852.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng) do ông H, bà O trả.

- ***Về thời gian trả***: Bà Huỳnh Thị Anh T và ông Trần Thanh H, đồng thời ông H là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị O tự nguyện thỏa thuận thời gian trả do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm***:

Ông Trần Thanh H, bà Trần Thị O nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.297.000 đ (Ba triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Bà Huỳnh Thị Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà T 4.383.000 đ (Bốn triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0017282 ngày 22 tháng 5 năm 2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thanh Thảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.